

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Trần Văn Tùng⁽¹⁾

Tóm tắt:

Dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn, bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực TDTT, tiến hành đánh giá thực trạng công tác TDTT NK của sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Kết quả cho thấy: Tỷ lệ tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa thường xuyên của sinh viên còn thấp; Động cơ tập luyện chưa hoàn toàn đúng đắn, cơ sở vật chất, kinh phí còn hạn chế; Phong trào hoạt động TDTT ngoại khóa chưa thu hút được số đông sinh viên tham gia tập luyện... thể lực của nam và nữ SV trường ĐHTĐHN đạt ở mức thấp so với tiêu chuẩn đánh giá xếp loại của Bộ GD&ĐT.

Từ khóa: TDTT ngoại khóa; Sinh viên; Đại học Thủ đô Hà Nội.

Actual situation of extracurricular sports activities of students at Hanoi Capital University

Summary:

Based on theory and practice, using basic scientific research methods in the field of sport and physical education, assess the current situation of extracurricular sports activities of students at Hanoi Capital University. The results show that: The rate of students participating in regular extracurricular sports training is still low; The motivation for exercise is not completely correct, the facilities and funds are still limited; The movement of extracurricular sports activities has not attracted a large number of students to participate in exercise... the physical fitness of male and female students at Hanoi Capital University is low compared to the evaluation and grading standards of the Ministry of Education and Training.

Keywords: Extra-curricular sports; Student; Hanoi Capital University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục thể chất (GDTC) là một môn học thuộc chương trình giáo dục Đại học. Cùng với môn học chính khóa bắt buộc, thể dục thể thao ngoại khóa (TDTT NK) cũng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Hoạt động TDTT NK trong các trường đại học trên cả nước đang được các nhà quản lý giáo dục quan tâm chỉ đạo. Trường Đại học Thủ đô Hà Nội (TĐHN) đang hướng tới xây dựng một mô hình hoạt động phong phú, đa dạng cho sinh viên (SV), tuy vậy, thực tế việc tập luyện ngoại khóa của SV chưa mang lại hiệu quả cao do nhiều nguyên nhân, trong đó các nguyên nhân chủ yếu như: Nhận thức về công tác GDTC còn chưa đầy đủ, chưa thu hút người tham gia tập luyện, tính tự giác tích cực, tự học, tự rèn luyện của SV chưa cao...nên tác dụng của TDTT NK đối với

SV còn rất hạn chế. Vấn đề đặt ra là cần tổ chức các hoạt động TDTT NK thu hút đông đảo SV tham gia tập luyện, qua đó tăng cường thể lực, hình thành thói quen rèn luyện thể chất, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, lối sống lành mạnh tích cực cho SV.

Từ lý luận và thực tiễn nêu trên đã cho thấy, vấn đề nghiên cứu thực trạng công tác TDTT NK của SV Trường Đại học TĐHN để làm cơ sở cho việc lựa chọn và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động này là vấn đề có ý nghĩa thực tiễn.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp quan sát sư phạm; Phương pháp kiểm tra sư phạm; Phương pháp toán học thống kê.

⁽¹⁾ThS, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội; Email: tvtung@daihocthudo.edu.vn

Tiến hành đánh giá thể lực của SV thông qua 4/6 test được quy định theo QĐ số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 gồm: Test nằm ngửa gấp bụng (lần/30s); Test bật xa tại chỗ (cm); Test chạy 30m XPC (s); Test chạy tùy sức 5 phút (m).

Mẫu khảo sát: Để đảm bảo độ tin cậy và khách quan cho kết quả nghiên cứu, kích thước mẫu được xác định theo ước lượng tổng thể trong trường hợp biết quy mô tổng thể với sai số cho phép ở ngưỡng 5% ($e = \pm 0.05$) theo công thức $n = N/(1+N \cdot e^2)$. Kết quả đã xác định được

cỡ mẫu cần khảo sát là 2000 sinh viên/04 khóa từ năm thứ nhất đến năm thứ tư, được phân đều theo giới tính, khóa và được chọn ngẫu nhiên.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng hoạt động TDTT NK của SV Trường Đại học TĐHN

Thực trạng mức độ chuyên cần tập luyện của sinh viên:

Mức độ chuyên cần tập luyện TDTT NK của SV Trường Đại học TĐHN được khảo sát thông qua phỏng vấn bằng phiếu hỏi tới 1286 SV (826 nam, 460 nữ). Kết quả trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng mức độ chuyên cần tập luyện TDTT NK của SV Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

TT	Mức độ tập luyện	Tổng số sinh viên (n= 1286)		Giới tính			
				Nam (n=826)		Nữ (n=460)	
		m_i	%	m_i	%	m_i	%
1	Thường xuyên	522	40.59	419	50.73	103	22.39
2	Không thường xuyên	211	16.4	135	16.34	76	16.52
3	Không tập luyện	553	43	272	32.93	281	61.09

Số liệu thống kê được cho thấy, số lượng SV tham gia tập TDTT NK còn khiêm tốn, chỉ 733 SV có tham gia tập luyện TDTT NK (chiếm 56,99%, trong đó thường xuyên là 40,59% và không thường xuyên chiếm 16,4%). Ngược lại, tỉ lệ không tập luyện NK rất cao, chiếm 43%. Nam có tỉ lệ tập luyện NK đông hơn nữ với 67,07% so với 38,91% nữ.

Nội dung tập luyện TDTT NK:

Khảo sát về thực trạng các môn thể thao thường xuyên tham gia tập luyện ngoại khóa TDTT của SV trường Đại học TĐHN thông qua phỏng vấn 733 SV bằng phiếu hỏi. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: Các môn thể thao được yêu thích tập luyện nhiều nhất gồm Cầu lông, Taekwondo, Bóng rổ... Các môn thể thao khác chiếm tỷ lệ ít hơn. Về các môn thể thao tập luyện NK thì tập luyện của các SV được thể hiện khá đa dạng. Song xu hướng tập luyện NK của SV thể hiện theo 03 nhóm: Với 3 môn Bóng bàn, Bơi lội, Bóng chuyền, số SV thường xuyên tập luyện chiếm tỷ lệ thấp hơn cả; nhóm 2 gồm các môn: Cờ vua, Bóng đá, Dance sport, Karate

Bảng 2. Kết quả khảo sát nội dung tập luyện TDTT NK của sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội (n=733)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn	
		m_i	%
1	Bóng đá	81	11.05
2	Bóng bàn	29	3.96
3	Bóng chuyền	37	5.04
4	Bóng rổ	150	20.46
5	Bơi lội	70	9.55
6	Cầu lông	403	54.98
7	Cờ vua	59	8.05
8	Dance sport	106	14.46
9	Taekwondo	187	25.51
10	Karate	102	13.92
11	Các môn thể thao khác	95	12.97

tỷ lệ tập luyện cao hơn song cũng còn thấp (dưới 15.0%); tỷ lệ cao nhất là nhóm môn: Cầu lông, Taekwondo, Bóng rổ, chiếm 20.46% - 55.00%. Như vậy, có thể thấy: Sinh viên các trường Đại học Thủ đô Hà Nội tham gia tập luyện TDTT

ngoại khóa các môn thể thao tập luyện đa dạng. Các môn thể thao được yêu thích tập luyện nhiều nhất gồm: Cầu lông, Taekwondo, Bóng rổ.

Thực trạng hình thức tập luyện TDTT NK

Bảng 3. Thực trạng hình thức tập luyện TDTT NK của sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội (n=733)

TT	Hình thức tập luyện	m _i	%
1	Tự tập luyện	374	51.02
2	Tập luyện theo nhóm, lớp	209	28.51
3	Đội tuyển thể thao	74	10.09
4	Câu lạc bộ thể thao	76	10.38

Qua bảng 3 cho thấy: Đa số SV đều tham gia tập luyện NK các môn thể thao dưới hình thức tự tập (51.02%) hoặc tự tập theo nhóm, lớp (28.51%), số SV tập luyện NK dưới hình thức câu lạc bộ chỉ chiếm 10.38%. Khảo sát 10.09% SV tập luyện NK dưới hình thức đội tuyển các môn thể thao của nhà trường cho thấy, số SV này được tuyển chọn vào các đội tuyển để tham gia thi đấu các giải thể thao của ngành và địa phương, vì vậy chỉ tham gia tập luyện vào thời gian nhất định trước thi đấu.

2. Các yếu tố đảm bảo cho hoạt động NK của SV Trường Đại học TĐHN

Các yếu tố đảm bảo cho hoạt động NK của SV được khảo sát bao gồm cả yếu tố chủ quan và khách quan. Cụ thể:

Các yếu tố chủ quan

Động cơ tham gia hoạt động TDTT NK của SV Trường Đại học TĐHN:

Để đánh giá một cách khách quan nhất về động cơ tập luyện TDTT NK của SV Trường Đại học TĐHN chúng tôi đánh giá trên 733 SV (554 SV nam, 179 SV nữ) có tập luyện TDTT NK dưới bất kể hình thức và môn thể thao. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

Kết quả bảng 4 cho thấy: Đa số SV tham tập luyện nhằm hoàn thành chương trình môn học GDTC chính khóa (90.07% SV nam, 84.36% SV nữ). Động cơ do đam mê, ham thích, giải trí chiếm 50.36% SV nam, 45.25 SV nữ. Ý kiến khác chiếm tỷ lệ thấp là động cơ tăng cường sức khỏe (34.12% SV nam và 23.46% SV nữ). Điều này cho chúng ta thấy rõ nhận thức của SV về hoạt động TDTT ngoại khóa chưa hoàn toàn

Kết quả khảo sát hình thức tập luyện TDTT NK tại trường Đại học TĐHN được trình bày tại bảng 3.

đúng đắn.

Nhu cầu tham gia tập luyện TDTT NK của SV Trường Đại học TĐHN:

Kết quả khảo sát về nhu cầu tập luyện TDTT NK của 1286 SV được trình bày tại bảng 5.

Qua bảng 5 cho thấy nhu cầu tham gia tập luyện TDTT NK của SV Trường Đại học TĐHN: Có tới hơn 62.05% tổng số SV được hỏi có nhu cầu tham gia tập luyện TDTT NK. Con số này gần gấp đôi số SV không có nhu cầu tập luyện với 34.76%. Như vậy, đa số SV có nhu cầu tham gia tập luyện TDTT NK. Đây là ưu điểm lớn trong việc phát triển phong trào tập luyện TDTT NK cho SV trường Đại học TĐHN.

Các yếu tố khách quan

Về cơ sở vật chất:

Vấn đề điều kiện sân bãi và trang thiết bị tập luyện vẫn là khó khăn hàng đầu hiện nay của nhà trường. Đặc biệt khi số lượng SV mỗi năm một tăng nhưng diện tích sân tập và điều kiện tập luyện không thể tăng lên. Kết quả khảo sát về cơ sở vật chất, sân bãi dụng cụ phục vụ công tác GDTC và hoạt động TDTT NK cho thấy, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện hàng năm tuy có bổ sung nhưng không đủ đáp ứng nhu cầu giảng dạy và phong trào tập luyện của SV trong trường. Mặt khác, số dụng cụ tập luyện tuy có được sửa chữa xong rất cũ và lạc hậu, thiếu về số lượng và chất lượng, chưa đáp ứng được việc nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập môn học GDTC và rèn luyện TDTT NK của SV.

Về đội ngũ giáo viên: Thực trạng đội ngũ cán bộ, giảng viên đã đảm bảo được công tác giảng dạy và hoạt động phát triển TDTT NK cho SV.

Bảng 4. Động cơ tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa của SV Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

TT	Nhóm nhân tố	Kết quả phỏng vấn (n=733)			
		Nam (n= 554)		Nữ (n=179)	
		m _i	%	m _i	%
1	Nhóm nhân tố 1: Động cơ tăng cường sức khỏe - Phát triển thể chất toàn diện - Có vóc dáng cơ thể cân đối - Giảm béo - Hạn chế bệnh tật	189	34.12	42	23.46
2	Nhóm nhân tố 2: Động cơ đam mê, ham thích, giải trí - Tính hấp dẫn của môn thể thao - Vui vẻ, giải tỏa áp lực học nhiều - Do bạn bè rủ nhau	279	50.36	81	45.25
3	Nhóm nhân tố 3: Động cơ nâng cao trình độ thể thao - Muốn có trình độ để được thi đấu - Muốn khẳng định bản thân - Thích bạn bè khen ngợi	273	49.28	39	21.79
4	Nhóm nhân tố 4: Giao lưu bạn bè, mở rộng quan hệ XH - Gặp gỡ bạn bè để giao lưu bình thường - Được học hỏi lẫn nhau - Được chia sẻ	195	35.2	90	50.28
5	Nhóm nhân tố 5: Nâng cao kết quả học tập môn GDTC - Trau dồi kỹ thuật thể thao để ghi điểm môn học GDTC - Nâng cao thể lực để đạt điểm kiểm tra - Được thầy, cô ưu ái	499	90.07	151	84.36

Bảng 5. Kết quả khảo sát nhu cầu tập luyện TDTT NK của SV Trường Đại học Thủ đô Hà Nội (n=1286)

Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn	
	m _i	%
Có nhu cầu tham gia tập luyện	798	62.05
Không có nhu cầu tham gia tập luyện	447	34.76
Không nói rõ ý kiến	41	3.19

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động TDTT: Tuy các cán bộ quản lý đã quan tâm tới hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động TDTT, tuy vậy, dưới góc độ đánh giá của các giảng viên, lãnh đạo trường cần quan tâm hơn và có các hoạt động chỉ đạo, lãnh đạo kịp thời và hiệu quả hơn đối với các hoạt động TDTT cho SV.

Thực trạng thực hiện chương trình GDTC: Trong những năm qua (thời điểm từ năm 2018 đến năm 2022), với thời lượng 90 tiết, 3 tín chỉ, các nội dung học gồm các môn tự chọn trong

chương trình GDTC chính khóa cho SV tập trung vào 6 môn thể thao: Bóng bàn, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Khiêu vũ thể thao, Taewondo. Như vậy, SV Trường Đại học TĐHN học môn GDTC theo hình thức tín chỉ với tổng số giờ là 90 và được tổ chức theo 03 học phần, mới chỉ dừng lại ở việc học và hoàn thiện kỹ thuật cơ bản các môn thể thao. Do đó cần có hình thức NK để nâng cao thể chất cho SV.

Kinh phí chi các hoạt động TDTT: còn hạn chế, chưa đủ để duy trì đội tuyển các môn thể

thao tập luyện thường xuyên, mở rộng các hình thức câu lạc bộ và phát động phong trào thể thao rộng khắp cho SV. Phần lớn kinh phí các hoạt động tập luyện và thi đấu của các lớp, khoa là từ nguồn kinh phí đóng góp của các cá nhân và tập thể, do vậy chưa động viên được phong trào

TDTT trong nhà trường.

3. Thực trạng trình độ thể lực của SV Trường Đại học TĐHN

Đánh giá thể lực của SV theo tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên của Bộ GD&ĐT. Kết quả được trình bày tại bảng 6 và 7.

Bảng 6. Đánh giá, xếp loại thể lực của nam SV Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội theo tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực của BGD&ĐT

TT	Test	Năm thứ nhất Khóa 2020-2024 (n= 250)			Năm thứ hai Khóa 2019-2023 (n= 250)			Năm thứ ba Khóa 2018-2022 (n=250)			Năm thứ tư Khóa 2017-2021 (n= 250)		
		$\bar{x}$	Số sv đạt	Tỷ lệ %	$\bar{x}$	Số sv đạt	Tỷ lệ %	$\bar{x}$	Số sv đạt	Tỷ lệ %	$\bar{x}$	Số sv đạt	Tỷ lệ %
1	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	19.88	248	99.00	20.11	248	99.00	16.67	45	18.20	16.12	49	19.60
2	Bật xa tại chỗ (cm)	218.36	186	74.60	221.01	186	74.60	205.15	114	45.60	204.43	113	45.40
3	Chạy 30 mét XPC (s)	4.90	242	96.80	4.74	245	98.20	5.31	198	79.00	5.42	176	70.20
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	944.89	102	40.80	940.22	99	39.40	849.17	18	7.40	842.8	15	5.80
Đánh giá tổng hợp		Tốt	23	9.40	Tốt	24	9.60	Tốt	2	0.80	Tốt	2	0.60
		Đạt	34	13.60	Đạt	32	13.00	Đạt	11	4.40	Đạt	7	3.00
		KĐ	193	77.00	KĐ	194	77.40	KĐ	237	94.80	KĐ	241	96.40

Bảng 7. Đánh giá, xếp loại thể lực của nữ SV Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội theo tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực của BGD&ĐT

TT	Chỉ tiêu, test	Năm thứ nhất Khóa 2020-2024 (n= 250)			Năm thứ hai Khóa 2019-2023 (n= 250)			Năm thứ ba Khóa 2018-2022 (n=250)			Năm thứ tư Khóa 2017-2021 (n= 250)		
		$\bar{x}$	Số sv đạt	Tỷ lệ %	$\bar{x}$	Số sv đạt	Tỷ lệ %	$\bar{x}$	Số sv đạt	Tỷ lệ %	$\bar{x}$	Số sv đạt	Tỷ lệ %
1	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	15.11	60	24.00	15.08	100	40.00	14.43	5	2.00	13.99	3	1
2	Bật xa tại chỗ (cm)	158.69	146	58.40	156.43	132	53.00	153.99	104	41.60	153.21	99	39.60
3	Chạy 30 mét XPC (s)	6.22	190	76.00	6.17	197	78.80	6.51	152	60.60	6.82	93	37.20
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	740.57	54	21.60	729.36	80	32.00	694.60	0	0	689.66	0	0
Đánh giá tổng hợp		Tốt	22	9.00	Tốt	32	13.00	Tốt	0	0	Tốt	0	0
		Đạt	32	13.00	Đạt	48	19.00	Đạt	0	0	Đạt	0	0
		KĐ	196	78.00	KĐ	170	68.00	KĐ	250	100	KĐ	250	100

Kết quả nghiên cứu cho thấy:

Đối với nam: Thể lực của nam SV năm thứ nhất và năm thứ hai có thể lực tốt hơn so với nam SV năm thứ ba và năm thứ tư, cụ thể:

- Nam SV năm thứ nhất: Nội dung có số SV đạt cao nhất (96,8%) là chạy 30 mét XPC và đạt thấp nhất là chạy tùy sức 5 phút (40,8%). Đánh giá xếp loại thể lực loại tốt chiếm tỷ lệ 9,4%, loại đạt chiếm tỷ lệ 13,6% và không đạt chiếm tỷ lệ 77%.

- Nam SV năm thứ hai: Nội dung có số SV đạt cao nhất là nằm ngửa gập bụng (99%) và thấp nhất là chạy tùy sức 5 phút chiếm tỷ lệ 39,4%. Đánh giá xếp loại thể lực loại tốt chiếm tỷ lệ 9,6%, loại đạt chiếm tỷ lệ 13% và không đạt chiếm tỷ lệ 77,4%.

- Nam SV năm thứ ba: Nội dung có số SV đạt cao nhất là chạy 30 mét XPC (79%) và đạt thấp nhất là chạy tùy sức 5 phút (7,4%). Đánh giá xếp loại thể lực đạt loại tốt chiếm tỷ lệ 0,8%,

loại đạt chiếm tỷ lệ 4,4% và không đạt chiếm tỷ lệ 94,8%

- Nam SV thứ tư: Nội dung có số SV đạt cao nhất là chạy 30 mét XPC (70,2%) và đạt thấp nhất là chạy tùy sức 5 phút (5,8%). Đánh giá xếp loại thể lực loại tốt chiếm tỷ lệ 0,6%; loại đạt chiếm tỷ lệ 3% và loại không đạt chiếm tỷ lệ 96,4%.

Đối với nữ: Thể lực của nữ SV năm thứ nhất và năm thứ hai xếp loại ở mức đạt đều rất thấp; còn nữ SV năm thứ ba và năm thứ tư thì 100% xếp loại không đạt, cụ thể:

- Nữ SV năm thứ nhất: Nội dung đạt cao nhất là chạy 30 mét XPC (76%) và đạt thấp nhất là chạy tùy sức 5 phút (21,6%). Đánh giá xếp loại chung thể lực đạt loại tốt chiếm tỷ lệ 9%, loại đạt chiếm tỷ lệ 13% và loại không đạt chiếm tỷ lệ 78%.

- Nữ SV năm thứ hai: Nội dung đạt cao nhất là chạy 30 mét XPC (78,8%) và đạt thấp nhất là chạy tùy sức 5 phút (32%). Đánh giá xếp loại chung thể lực đạt loại tốt chiếm tỷ lệ 13%, loại đạt chiếm tỷ lệ 19% và loại không đạt chiếm tỷ lệ 68%.

- Nữ SV năm thứ ba và năm thứ tư: Nội dung đạt cao nhất cũng là chạy 30 mét XPC (60,6%) đối với SV năm thứ ba và nội dung bật xa tại chỗ (39,6%) đối với SV năm thứ tư; cả 2 khóa đều không có SV đạt ở nội dung chạy tùy sức 5 phút. Theo quy định của Bộ GD&ĐT thì nội dung chạy tùy sức 5 phút là nội dung bắt buộc sử dụng khi đánh giá xếp loại tổng hợp, vì vậy, 100% nữ SV năm ba và tư đều xếp loại không đạt.

Như vậy, thể lực của nam và nữ SV Trường Đại học TĐHN đạt ở mức thấp so với quy định đánh giá xếp loại của Bộ GD&ĐT. SV năm thứ nhất và thứ hai có thể lực tốt hơn SV năm thứ ba và năm thứ tư. Thể lực của nữ SV năm thứ ba và năm thứ tư đều không đạt theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Như vậy, có thể thấy công tác GDTC, đặc biệt là hoạt động TĐTT NK, chưa thực sự phát huy tốt trong việc phát triển thể lực cho SV, cần có giải pháp phù hợp để khắc phục vấn đề này.

KẾT LUẬN

Ti lệ tham gia tập luyện TĐTT NK thường xuyên của SV Trường Đại học TĐHN còn thấp.

Nguyên nhân chủ yếu là do động cơ tập luyện của SV chưa hoàn toàn đúng đắn, cơ sở vật chất, kinh phí còn hạn chế.

Thể lực của SV xếp loại đạt ở mức thấp so với tiêu chuẩn đánh giá. SV năm thứ nhất và thứ hai có thể lực tốt hơn SV năm thứ ba và năm thứ tư, thể lực của nữ SV năm thứ ba và năm thứ tư đều không đạt tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Đánh giá theo từng tổ chất thể lực, ngoại trừ sức bền, các tổ chất thể lực sức nhanh, sức mạnh xếp loại đạt chiếm tỷ lệ cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số: 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008, “Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên”*. Bộ GD&ĐT, Hà Nội.

2. Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Lưu Quang Hiệp và Phạm Ngọc Viễn (2006), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học Thể dục thể thao*, Nxb TĐTT Hà Nội.

3. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2006), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội.

4. Mai Thị Bích Ngọc (2017), “Nghiên cứu xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa môn Karate cho học sinh trung học cơ sở thành phố Hà Nội”, *Luận án Tiến sĩ giáo dục học*, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.

(Bài nộp ngày 16/1/2023, phản biện ngày 1/3/2023, duyệt in ngày 20/4/2023)

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

4. Trương Quốc Uyên

Cuộc vận động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại góp phần tích cực nâng cao chất lượng dân số Việt Nam

6. Trương Anh Tuấn

Một số suy nghĩ về đào tạo nguồn nhân lực thể dục thể thao

11. Nhật Minh

Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh tập trung nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030

BÀI BÁO KHOA HỌC

13. Nguyễn Văn Phúc

Thực trạng rủi ro pháp lý trong hoạt động Thể dục thể thao ở Việt Nam

19. Bùi Việt Hà

Kinh nghiệm huy động nguồn tài chính của các câu lạc bộ Bóng đá chuyên nghiệp trên thế giới và bài học đối với Bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam

23. Nguyễn Bá Hòa

Lựa chọn giải pháp ứng dụng thể dục thể thao thích ứng cho người khuyết tật ở thành phố Hà Nội

26. Đào Thị Phương Chi

Hiệu quả mô hình giáo dục thể chất theo nhu cầu người học tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

31. Trần Văn Tùng

Thực trạng công tác thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

37. Bounnuang Kamphengthong

Thực trạng nhu cầu, động cơ, lý do không tích cực tham gia các hoạt động thể thao của học sinh trung học phổ thông ở Thủ đô Viêng Chăn - Lào

41. Ngô Mạnh Cường

Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy và học môn Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên

46. Nguyễn Hải Tùng

Đánh giá thực trạng thể lực chung của nam sinh viên Trường Đại học luật Hà Nội

49. Hoàng Sỹ Trung

Thực trạng mức độ hứng thú học tập các học phần kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Hồng Đức

52. Mai Thị Bích Ngọc; Nguyễn Thị Thu Hiền; Lê Đức Anh

Xác định tiêu chí đánh giá kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

57. Phạm Thế Vượng; Nguyễn Tất Tuấn

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng dạy học trực tuyến cho sinh viên chuyên ngành Bóng chuyền, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

63. Nguyễn Thị Hà; Đào Thị Hoa Quỳnh

Thực trạng động cơ học tập Thể dục thể thao của sinh viên Đại học Thái Nguyên

66. Nguyễn Thị Thảo Mai, Nguyễn Đình Chung

Thực trạng huấn luyện sức mạnh tốc độ cho nam vận động viên Cầu lông lứa tuổi 14-15 tỉnh Bắc Giang

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

70. Trần Đức Thọ

Thể thao người khuyết tật Việt Nam tích cực chuẩn bị tham dự Asean Para Games 12 và Asian Para Games 4

72. Vũ Trọng Lợi

Tiếp tục phát triển Yoga Việt Nam

77. Phạm Tuấn Dũng; Phạm Việt Hà

Bài tập nâng cao thể lực với tạ tay

80. Thẻ lệ viết và gửi bài.

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

The movement of the whole people to exercise their bodies following the example of the great Uncle Ho contributed positively to improving the quality of Vietnam's population

6. Truong Anh Tuan

Some thoughts on human resource training in sport

11. Nhat Minh

Bac Ninh Sports University focuses on improving the capacity of lecturers and managers to meet the requirements of fundamental and comprehensive renovation of education and training in the period of 2019 - 2030

ARTICLES

13. Nguyen Van Phuc

Current status of legal risks in sport activities in Vietnam

19. Bui Viet Ha

Experience in mobilizing financial resources of professional football clubs in the world and lessons for Vietnamese professional football

23. Nguyen Ba Hoa

Selection of adaptive sports application solutions for people with disabilities in Hanoi City

26. Dao Thi Phuong Chi

Effectiveness of the model of physical education according to the needs of learners at Hanoi Capital University

31. Tran Van Tung

Actual situation of extracurricular sports activities of students at Hanoi Capital University

37. Bounnuang Kamphengthong

Current status of needs, motivations and reasons for participating in sports practice of high school students in Vientiane Capital - Laos

41. Ngo Manh Cuong

Measures to improve the effectiveness of teaching and learning Physical Education for students University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

46. Nguyen Hai Tung

Assessment of the general physical condition of male students at Hanoi Law University

49. Hoang Sy Trung

Current status of interest in learning complementary knowledge modules in the training program of students majoring in Physical Education, Hong Duc University

52. Mai Thi Bich Ngoc; Nguyen Thi Thu Hien; Le Duc Anh

Determination of soft skills assessment criteria for students of Bac Ninh University of Physical Education and Sports

57. Pham The Vuong; Nguyen Tat Tuan

Actual situation of factors affecting the quality of online teaching for students majoring in Volleyball, Bac Ninh Sports University

63. Nguyen Thi Ha; Dao Thi Hoa Quynh

Current status of students' motivation to study physical education at Thai Nguyen University

66. Nguyen Thi Thao Mai, Nguyen Dinh Chung

Current status of speed strength training for male Badminton players aged 14-15 in Bac Giang province

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

70. Tran Duc Tho

Sports for people with disabilities in Vietnam actively prepares to participate in Asean Para Games 12 and Asian Para Games 4

72. Vu Trong Loi

Continue to develop Vietnamese Yoga

77. Pham Tuan Dung; Pham Viet Ha

Strength training with dumbbells

80. Rules of writing and posting.



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859-4417

**Số 2 -2023
(75)**

